

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 6 - 2025
Về việc “Ly hôn, Tranh chấp
nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu
- Ông Nguyễn Văn Triệu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Anh Lê Chí N, sinh năm 1977 (có mặt);
Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh T
- Bị đơn:* Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp , xã H, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Chí N trình bày: Anh Lê Chí N và chị Trần Thị Huyền T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Trong thời gian hôn nhân anh N và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N cố gắng cải thiện hạnh phúc vợ chồng vì còn con nhỏ nhưng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên anh chị đã ly thân 02 năm nay. Nay xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Ng yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Huyền T.

Con chung: Trong quá trình hôn nhân thì anh N và chị T có 01 người con chung tên Lê Ngọc G, sinh ngày 26/01/2010, hiện tại con chung sống chung với chị T và phát triển bình thường về tinh thần và thể chất, anh N đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: anh Lê Chí N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Huyền T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Chị Trần Thị Huyền T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chí N và chị Trần Thị Huyền T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Anh Lê Chí N và chị Trần Thị Huyền T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 nhưng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N và chị T đã ly thân cho đến nay gần 02 năm. Qua xác nhận của chính quyền địa phương thì chị T đã rời bỏ địa phương và dẫn con chung theo. Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh N và chị T đã ly thân thời gian khá dài, Tòa án gửi giấy mời nhiều lần nhưng chị T không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị và anh N thể hiện chị T không quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Căn cứ quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Thời gian dài anh N và chị T đã không quan tâm, chăm sóc nhau, không giúp đỡ nhau trong cuộc sống, đã bỏ mặt nhau. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh Lê Chí N và chị Trần Thị Huyền T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho anh N ly hôn với chị T là có cơ sở.

[5] Con chung: Anh Lê Chí N và chị Trần Thị Huyền T có 01 người con chung tên Lê Ngọc G, sinh ngày 26/01/2010 hiện đang sống chung với chị Thương phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Vì vậy, giao con chung tên Lê Ngọc G cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với

quy định và phát triển bình thường cho con chung của anh chị. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh Lê Chí N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Chí N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí: Anh Lê Chí N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Lê Chí N. Cho anh Lê Chí N được ly hôn với chị Trần Thị Huyền T.

Con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc G, sinh ngày 26/01/2010 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lê Chí N là 1.000.000 đồng/tháng cho con chung tên Lê Ngọc G, sinh ngày 26/01/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Chí N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc Anh Lê Chí N chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh N đã nộp theo biên lai số 0009632 ngày 18/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, anh N không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đoàn Thị Thu Trang